TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2025/DS-PT
Ngày 27-6-2025
"Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.
Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và ông Nguyễn Sỹ Thành
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm và ngày 27/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2025/TLPT-DS ngày 26/02/2025 về việc "Kiện tài sản". Do Bản án số 47/2024/DS-ST, ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2025/QĐ-PT ngày 11/4/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 205/2025/QĐ-PT ngày 29/4/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950; địa chỉ: Số G đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số B đường P, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1979; địa chỉ: 4 hẻm L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn : Bà Lưu Thị Thu H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số C đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:***

Ngày 29/12/2000, bà Trần Thị Mỹ H (tên thường gọi là Ú) có đến đại lý nông sản của bà C để ứng tiền chốt giá bán 10 tấn cà phê nhân xô với giá 6.000 đồng/1kg. Bà C đã trả tiền trước cho bà H tổng số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Việc chốt và giao nhận tiền hai bên có lập giấy viết tay, chữ viết và chữ ký trong giấy chốt cà phê là do bà H trực tiếp viết ra. Do trước đây giữa hai bên có mối quan hệ quen biết

và mua bán cà phê với nhau nên đã có nhiều lần chốt cà phê với nhau từ trước. Kể từ thời điểm chốt ngày 29/12/2000 cho đến nay, bà H chưa trả cho bà C số cà phê nhân xô nào.

Lý do đến thời điểm hiện nay, bà C mới khởi kiện đòi cà phê là do trước đây Công ty bà C bị phá sản, nhà kho bị cháy, quá trình đó thì các giấy tờ bị thất lạc. Nay bà C dọn dẹp kho mới tìm được giấy tờ chốt cà phê nên đến nay bà C mới khởi kiện đòi lại số cà phê mà bà H đã chốt.

Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu Tòa án buộc bà H, bà Trần Thị Mỹ N và ông Trương Anh T cùng liên đới chịu trách nhiệm trả 10 tấn cà phê nhân xô cho bà C. Tuy nhiên, nay bà C chỉ yêu cầu một mình bà Trần Thị Mỹ H trả lại cho bà C 10 tấn cà phê nhân xô đã chốt cho bà C. Bà H không mở đại lý thu mua cà phê nhưng do có làm ăn chung với bà N nên bà H thường đi thu mua cà phê giúp bà N. Trong vụ án này, bà C xác định bà N và ông T không có liên quan gì.

Bà C xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này là "Kiện đòi tài sản" đối với 10.000 kg (10 tấn) cà phê nhân xô mà bà H đã chốt nhận tiền từ bà C chứ không phải là yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán cà phê".

**** Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của bị đơn – bà Lưu Thị Thu H1 trình bày:***

Trước đây bà H có thu mua lúa, bắp trong dân, bà H không giao dịch cà phê với bà C, chỉ giao dịch lúa, bắp với bà C nhưng không nhiều. Phương thức giao dịch là bà H nhận tiền của bà C sau đó vào trong dân thu mua và sẽ giao lại lúa, bắp trong ngày. Do việc làm ăn không có hiệu quả nên bà H đã dừng buôn bán nông sản từ đây hơn 10 năm (khoảng trước khi chồng bà H mất 05 – 06 năm) các đơn hàng thỏa thuận mua bán của bà H đều là nhận tiền của đại lý và lấy hàng của dân về giao ngay trong ngày hoặc chậm nhất là ngày hôm sau giao hàng nên khi dừng việc buôn bán nông sản trong dân, bà H không còn nợ nần bất cứ đơn hàng nào. Bà H xác định là không chốt cà phê với bà C.

Đối với giấy nợ do nguyên đơn cung cấp, bà H không nhớ vì sự việc đã lâu, các đơn hàng với bà C đã được bà H trả đầy đủ.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, bà H không có mua bán cà phê với bà C, các đơn hàng lúa, bắp mua cho bà C, bà H đã giao đủ, không còn nợ nần gì bà C.

Việc chốt hàng theo chứng cứ bà C cung cấp cho thấy diễn ra từ ngày 29/12/2000, bà H đã dừng mọi hoạt động kinh doanh từ khoảng năm 2007 – 2008 nên đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của bà C, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Về kết luận giám định, bà H không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DSST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147; Điều 160; Điều 161; Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 173, Điều 263 Bộ luật Dân sự năm 1995; Căn cứ vào khoản 2 Điều 155; Điều 158, Điều 164, Điều 166; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ H phải trả cho bà C 10.000 kg (10 tấn) cà phê nhân xô.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 10 tấn cà phê nhân xô; Bị đơn Trần Thị Mỹ H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xác định nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo bên đương sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DSST ngày 26/12/2024 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà C và bà H làm trong hạn luật định, bà C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà C. HĐXX thấy: Ngày 29/12/2001 bà C với bà H có thực hiện giao dịch mua bán cà phê theo hình thức bà H ứng tiền chốt giá trước, giao hàng cà phê nhân xô sau. Cụ thể, bà H ứng số tiền 60.000.000đ, chốt giá bán 10 tấn cà phê nhân xô với giá 6.000 đồng/1kg, bà C đã giao cho bà H 60.000.000 đồng, việc ứng tiền chốt giá được các bên lập giấy chốt cà phê, chữ viết và chữ ký trong giấy chốt cà phê là của bà H viết ra. Mặc dù, các bên không thể hiện 10.000kg là loại nông sản nào (cà phê, lúa hay bắp) Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại Cục Thông kê tỉnh Đ cung cấp giá cà phê bình quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thời điểm năm 2001 có giá bình quân là 6.000đ đến 6.100đ/1kg (BL103-105). Do đó, có căn cứ xác định

thời điểm các bên thực hiện giao dịch là ngày 29/12/2001 và 10.000kg cà phê nhân xô quy chuẩn là phù hợp, khách quan nên yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu bà H phải giao trả 10.000kg cà phê quy chuẩn là có căn cứ.

Xét, bản chất quan hệ giữa các bên là hợp đồng mua bán theo hình thức ứng tiền trước giao hàng sau, bà H ứng tiền, chốt giá cà phê và cam kết giao hàng sau. Bà C khởi kiện yêu cầu bà H phải giao trả 10.000kg cà phê nhân xô. Đây là phần nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán nông sản. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng mua bán", Bản án sơ thẩm nhận định bà C kiện yêu cầu bà H phải trả 10.000kg cà phê là kiện đòi tài sản là sai lầm trong nhận thức. Vì, tại thời điểm bà năm 2001, bà C chỉ giao tài sản cho bà H là 60.000.000đ, không giao tài sản là 10.000kg cà phê.

[2.2] Xét yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà H, thấy rằng: Tài liệu do bà C cung cấp "giấy chốt cà phê" không thể hiện thời hạn bà H phải thực hiện nghĩa vụ giao 10.000kg cà phê cho bà C nhưng theo thông lệ, tập quán mua bán cà phê nói riêng, các loại mặt hàng nông sản nói chung tại các đại lý nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, thường việc ứng tiền phải giao hàng trong ngày hoặc sau một số ít ngày và dài nhất cũng chỉ trong vụ mùa của năm nhưng đến ngày 20/5/2024, bà C mới làm đơn khởi kiện với lý do trước đây Công ty bà C bị phá sản, nhà kho bị cháy, các giấy tờ bị thất lạc nay mới tìm được giấy tờ chốt cà phê nên mới khởi kiện đồng thời cung cấp giấy xác nhận lập đề ngày 13/6/2025 với nội dung: "Năm 2000 vợ chồng bà C có 01 căn nhà tại số D L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, làm kho chứa và chế biến cà phê nhân xô. Do bất cẩn nên bị cháy toàn bộ vào năm 2002. Hàng hoá trong nhà hư hỏng nặng", có xác nhận của hàng xóm là bà Nguyễn Thị H2, bà Hoàng Thị Thu H3, ông Bùi Văn H4 nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, việc bà C trình bày nhà kho của bà C bị cháy không có cơ sở xác định đây là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan được quy định tại Đ156 của BLDS. Do đó, việc bà C khởi kiện đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của BLDS. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của bà H là sai lầm trong áp dụng pháp luật nên cấp phúc thẩm nhận định và chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà H.

Như nhận định và phân tích [2.1], yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc bà H phải trả cho bà C 10.000kg cà phê nhân xô là có căn cứ nhưng do thời hiện khởi kiện đã hết và không thuộc trường bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên bà H không có nghĩa vụ phải trả cho bà C 10.000kg cà phê nhân xô theo yêu cầu khởi kiện của bà C. Tuy nhiên, số tiền 60.000.000đ bà C giao cho bà H là quyền về tài sản nên bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà H phải trả cho bà C 60.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 155 của BLDS và phù hợp với kết luận giám định số 1378/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của phòng hình sự Công an tỉnh Đ.

[2.3] Xét lời khai và yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà xét xử phúc thẩm, bị đơn bà H cho rằng các giao dịch hàng hóa liên quan đến bà C thì bà H đã giao đủ nhưng bà H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc đã giao đủ số lượng hàng hóa, chủng loại tương ứng với giá trị 60.000.000 đồng đã ứng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mình đã trả lại cho bà C 60.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ

thẩm tuyên buộc bà Trần Thị Mỹ H phải có nghĩa vụ trả lại tài sản cho bà C số tiền 60.000.000 đồng đã nhận ứng cho bà C là có căn cứ.

Từ những nhận định nêu trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn bà Trần Thị Mỹ H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DSST ngày 26/12/2024 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị C là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận và án phí phúc thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà bà Trần Thị Mỹ H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004050, ngày 14/01/2025 tại Cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn bà Trần Thị Mỹ H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 47/2024/DSST ngày 26/12/2024 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về việc buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ H phải trả cho bà C 10.000kg (10 tấn) cà phê nhân xô

2. Về án phí dân sư sơ thẩm và phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng mà bà Trần Thị Mỹ H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004050, ngày 14/01/2025 tại Cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;*
- *Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền